

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **60** /2017/DS-ST

Ngày: 26/9/2017

V/v Yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và văn bản liên quan đến việc khai nhận di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Dũng
Bà Trần Thị Thu Huyền

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng Cán bộ Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2016/TLST-DS ngày 22/8/2016 về việc “Yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và văn bản liên quan đến việc khai nhận di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2017/QĐXXST-DS ngày 07/9/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2017/QĐST-DS ngày 14/9/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2017/QĐST-DS ngày 22/9/2017 giữa:

* *Nguyên đơn:* bà **Ngô Thị T**, sinh năm 1968 - Địa chỉ: 9915 B, R.La 70814, USA

Người đại diện theo uỷ quyền: ông **Trần Q**, sinh năm 1975 - Địa chỉ: 69 N, quận H, thành phố Đà Nẵng (Theo giấy uỷ quyền ngày 16/5/2016 lập tại Hoa Kỳ). Có mặt.

* *Bị đơn:* Bà **Ngô Thị T1** – sinh năm: 1970 – Địa chỉ: H137/2/K112 T, tổ 76 phường T, quận T, TP Đà Nẵng. Có mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Ma Thị M (Ma Thị T)** – sinh năm: 1941 – Địa chỉ: K20/27 H, tổ 57, phường T, quận T, TP Đà Nẵng. Có mặt.

2. Ông **Ngô Quý H** – sinh năm: 1972 – Địa chỉ: K20/27 H, tổ 57, phường T, quận T, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. Ông **Ngô Xuân T** – sinh năm: 1966 – Địa chỉ: Tổ 30, phường K, quận C, TP Đà Nẵng. Có mặt.

4. Bà **Ngô Thị Quý H** – sinh năm: 1974 – Địa chỉ: Tổ 43, phường K, quận C, TP Đà Nẵng. Có mặt.

5. Ông **Nguyễn Anh Q** – sinh năm: 1975 – Địa chỉ: 82 N, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

6. Bà **Nguyễn Thuỳ L** – sinh năm: 1976 - Địa chỉ: K115/36C Ô, phường T, quận H, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

7. **Văn Phòng Công Chứng T**

Địa chỉ: 323 N, quận H, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

8. **Văn Phòng Công Chứng B**

Địa chỉ: 50 H, quận H, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

9. **Phòng Công Chứng X thành phố Đà Nẵng**

Địa chỉ: 209 Đ, quận T, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

10. **Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai tại quận T, TP Đà Nẵng**

Địa chỉ: 503 T, quận T, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

11. **Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng**

Địa chỉ: 225 L, quận T, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

12. **Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng**

Địa chỉ: 56 T, phường T, quận T, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

13. **Ủy ban nhân dân quận T, TP Đà Nẵng**

Địa chỉ: 503 T, quận T, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Thị T là ông Trần Q trình bày:**

Cha mẹ của bà Ngô Thị T là ông Ngô Xuân L (sinh năm 1933, chết năm 2002 không để lại di chúc) và bà Ma Thị M (Ma Thị M), sinh năm 1941 có tạo lập được tài sản chung là nhà đất tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 20/8/2003. Giữa ông L và bà M có với nhau 05 người con chung gồm: ông Ngô Xuân T, sinh năm 1966; bà Ngô Thị T, sinh năm 1968; bà Ngô Thị T1, sinh năm 1970; ông Ngô Quý H, sinh năm 1972; bà Ngô Thị Quý H, sinh năm 1974.

Ngoài những người con trên thì ông L và bà M không có con chung, con riêng hay con nuôi nào khác.

Năm 2003, bà Ma Thị M tiến hành lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Năm 2005, bà Ngô Thị T1 lừa dối anh chị em bà T1 lập tờ khai di sản thừa kế là ½ giá trị nhà đất tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng của ông L để lại sang tên cho bà Ma Thị M đứng tên. Khi kê khai di sản thừa kế thì bà T1 không kê khai tên bà Ngô Thị T trú tại Hoa Kỳ là người đồng thừa kế, để ông Ngô Quý H (bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị câm bẩm sinh) lăn tay vào tờ kê khai di sản thừa kế là không đúng. Bà T1 tiếp tục lừa dối anh chị em trong gia đình là sau

khi bà M được toàn quyền thừa kế thì bà T1 đã lừa dối bà M lập thủ tục tặng cho nhà đất nêu trên để vay mượn tiền của ông Nguyễn Anh Q, bà Nguyễn Thùy L.

Năm 2012 đến năm 2013, để vay mượn tiền của ông Q, bà L nên bà T1 mới ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất nêu trên nhằm che đậy việc mượn tiền. Tháng 11/2014, vì bà T1 không trả được nợ cho vợ chồng ông Q, bà L nên ông Q, bà L đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận T và Tòa án đã quyết định buộc bà Ngô Thị T1 phải trả cho ông Q, bà L số tiền 733.000.000 đồng.

Do đó, việc bà T1 không kê khai bà Ngô Thị T trú tại Hoa Kỳ là người đồng thừa kế, để ông Ngô Quý H (bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị cầm bầm sinh) lăn tay vào tờ kê khai di sản thừa kế là trái quy định pháp luật.

Vì vậy, nguyên đơn bà Ngô Thị T yêu cầu Tòa án xem xét: Hủy Tờ khai di sản thừa kế ngày 23/01/2005; Tờ thỏa thuận lập ngày 31/01/2005; Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 03/3/2005; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 05/6/2012 tại Văn phòng Công chứng T, số công chứng 2343; Hợp đồng mua bán quyền sở hữu nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở ngày 11/7/2013 tại Văn phòng Công chứng B, số công chứng 4047.

*** Theo trong bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Ngô Thị T1 trình bày:**

Cha mẹ tôi là ông Ngô Xuân L (sinh năm 1933, chết năm 2002 không để lại di chúc) và bà Ma Thị M (Ma Thị M), sinh năm 1941 có tạo lập được nhà đất tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 20/8/2003. Cha mẹ tôi có với nhau 05 người con chung gồm: ông Ngô Xuân T, sinh năm 1966; bà Ngô Thị T, sinh năm 1968; bà Ngô Thị T1, sinh năm 1970; ông Ngô Quý H, sinh năm 1972; bà Ngô Thị Quý H, sinh năm 1974.

Khi cha tôi qua đời để lại cho mẹ tôi nhà và đất nói trên. Đến khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mẹ tôi thì chị tôi Ngô Thị T không ký cho mẹ tôi làm giấy. Sau đó mẹ tôi có tặng cho tôi nhà đất để tôi đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tôi có mượn của vợ chồng ông Nguyễn Anh Q và bà Nguyễn Thùy L số tiền 400.000.000đ. Tôi ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất nêu cho bà L nhằm che đậy việc mượn tiền của ông Q, bà L. Vì tôi không trả được nợ cho vợ chồng ông Q, bà L nên ông Q, bà L đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận T và Tòa án đã quyết định buộc tôi phải trả tiền cho ông Q, bà L.

Nay bà Ngô Thị T khởi kiện yêu cầu hủy văn bản khai nhận di sản thừa kế và các văn bản liên quan thì tôi đồng ý.

*** Theo trong bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ma Thị M trình bày:**

Tôi và chồng tôi là ông Ngô Xuân L (sinh năm 1933, chết năm 2002) có tạo lập được nhà đất tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402072088 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/8/2003. Tôi và ông L sinh được 05 người con gồm: ông Ngô Xuân T, sinh năm 1966; bà Ngô Thị T, sinh năm 1968; bà Ngô Thị

T1, sinh năm 1970; ông Ngô Quý H, sinh năm 1972; bà Ngô Thị Quý H, sinh năm 1974.

Năm 2002, chồng tôi qua đời không để lại di chúc. Sau đó tôi tiến hành lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Năm 2005, bà Ngô Thị T1 lừa dối mọi người trong gia đình lập tờ khai di sản thừa kế là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng của chồng tôi để lại sang tên cho tôi đứng tên. Thủ đoạn lừa dối của bà T1 là khi đưa bản tờ khai thừa kế mà không có nội dung: không kê khai con gái tôi là Ngô Thị T1 trú tại Hoa Kỳ là người đồng thừa kế; Để con trai tôi Ngô Quý H lăn tay là không đúng (Vì con trai tôi Ngô Quý H bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị cầm bả sinh). Bà T1 tiếp tục lừa dối những người trong gia đình là sau khi tôi được toàn quyền thừa kế theo thủ tục khai nhận di sản thừa kế thì bà T1 đã lừa dối tôi lập thủ tục tặng cho nhà đất nêu trên để vay mượn tiền của ông Nguyễn Anh Q, bà Nguyễn Thùy L.

Năm 2012 đến năm 2013, để vay mượn tiền của ông Q, bà L nên bà T mới ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất nêu trên nhằm che đậy việc mượn tiền.

Tháng 11/2014, vì bà T1 không trả được nợ cho vợ chồng ông Q, bà L nên ông Q, bà L đã khởi kiện tại Tòa án quận T, được Tòa án giải quyết tại bản án án 46/2015/DSST ngày 28/10/2015.

Theo quy định của pháp luật thì $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế cho những người ở hàng thừa kế thứ nhất của chồng tôi gồm: tôi và 05 người con, mỗi người sẽ hưởng một phần bằng nhau.

Việc bà T1 thực hiện việc không kê khai con gái tôi là Ngô Thị T trú tại Hoa Kỳ là người đồng thừa kế; Để con trai tôi Ngô Quý H lăn tay là không đúng (Vì con Ngô Quý H bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị cầm bả sinh) là trái quy định pháp luật.

Nay con gái tôi bà Ngô Thị T1 yêu cầu Tòa án: Hủy Tờ khai di sản thừa kế ngày 23/01/2005; Tờ thỏa thuận lập ngày 31/01/2005; Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 03/3/2005; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 05/6/2012 tại Văn phòng Công chứng T, số công chứng 2343; Hợp đồng mua bán quyền sở hữu nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở ngày 11/7/2013 tại Văn phòng Công chứng B, số công chứng 4047 thì tôi hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của con gái tôi là Ngô Thị T.

*** Theo trong bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Xuân T trình bày:**

Sinh thời, cha mẹ tôi là ông Ngô Xuân L (sinh năm 1933, chết năm 2002) và bà Ma Thị M (Ma Thị M), sinh năm 1941 có tạo lập được nhà đất tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402072088 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/8/2003. Cha mẹ tôi sinh được 05 người con gồm: Tôi Ngô Xuân T, sinh

năm 1966; bà Ngô Thị T, sinh năm 1968; bà Ngô Thị T1, sinh năm 1970; ông Ngô Quý H, sinh năm 1972; bà Ngô Thị Quý H, sinh năm 1974.

Năm 2002, cha tôi chết không để lại di chúc. Sau khi cha tôi chết một thời gian thì tôi biết được mẹ tôi nhờ em tôi là bà Ngô Thị T1 tiến hành lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Năm 2005, bà Ngô Thị T1 lừa dối anh chị em trong gia đình lập tờ khai di sản thừa kế là ½ giá trị nhà đất tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng của cha tôi để lại sang tên cho mẹ tôi đứng tên. Thủ đoạn lừa dối của bà T1 là khi đưa bản tờ khai thừa kế mà không có nội dung: không kê khai em tôi là Ngô Thị T trú tại Hoa Kỳ là người đồng thừa kế; Để em trai tôi Ngô Quý H lặn tay là không đúng (Vì em trai tôi Ngô Quý H bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị câm bẩm sinh). Bà T1 tiếp tục lừa dối những người trong gia đình là sau khi mẹ tôi được toàn quyền thừa kế theo thủ tục khai nhận di sản thừa kế thì bà T1 đã lừa dối mẹ tôi lập thủ tục tặng cho nhà đất nêu trên để vay mượn tiền của ông Nguyễn Anh Q, bà Nguyễn Thùy L.

Năm 2013, để vay mượn tiền của ông Q, bà L nên bà T1 mới ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất nêu trên nhằm che đậy việc mượn tiền.

Tháng 11/2014, vì bà T1 không trả được nợ cho vợ chồng ông Q, bà L nên ông Q, bà L đã khởi kiện tại Tòa án quận T.

Theo quy định của pháp luật thì ½ giá trị nhà đất tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế cho những người ở hàng thừa kế thứ nhất của cha tôi gồm: mẹ tôi và 05 anh chị em chúng tôi, mỗi người sẽ hưởng một phần bằng nhau.

Việc bà T1 thực hiện việc không kê khai em tôi là Ngô Thị T trú tại Hoa Kỳ là người đồng thừa kế; Để em trai tôi Ngô Quý H lặn tay là không đúng (Vì em trai tôi Ngô Quý H bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị câm bẩm sinh) là trái quy định pháp luật.

Nay em tôi bà Ngô Thị T yêu cầu Tòa án: Hủy Tờ khai di sản thừa kế ngày 23/01/2005; Tờ thỏa thuận lập ngày 31/01/2005; Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 03/3/2005; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 05/6/2012 tại Văn phòng Công chứng T, số công chứng 2343; Hợp đồng mua bán quyền sở hữu nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở ngày 11/7/2013 tại Văn phòng Công chứng B, số công chứng 4047 thì tôi hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của em tôi bà Ngô Thị T.

*** Theo trong bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Quý H trình bày:**

Sinh thời, cha mẹ tôi là ông Ngô Xuân L (sinh năm 1933, chết năm 2002) và bà Ma Thị M (Ma Thị M), sinh năm 1941 có tạo lập được nhà đất tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402072088 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/8/2003. Cha mẹ tôi sinh được 05 người con gồm: ông Ngô Xuân T, sinh năm 1966; bà Ngô Thị T, sinh năm 1968; bà Ngô Thị T1, sinh năm 1970; ông Ngô Quý H, sinh năm 1972; tôi là Ngô Thị Quý H, sinh năm 1974.

Năm 2002, cha tôi chết không để lại di chúc. Sau khi cha tôi chết một thời gian thì tôi biết được mẹ tôi nhờ chị tôi là bà Ngô Thị T1 tiến hành lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Năm 2005, bà Ngô Thị T1 lừa dối anh chị em trong gia đình lập tờ khai di sản thừa kế là ½ giá trị nhà đất tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng của cha tôi để lại sang tên cho mẹ tôi đứng tên. Thủ đoạn lừa dối của bà T1 là khi đưa bản tờ khai thừa kế mà không có nội dung: không kê khai chị tôi là Ngô Thị T trú tại Hoa Kỳ là người đồng thừa kế; Để anh trai tôi Ngô Quý H lãn tay là không đúng (Vì anh trai tôi Ngô Quý H bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị câm bẩm sinh). Bà T1 tiếp tục lừa dối những người trong gia đình là sau khi mẹ tôi được toàn quyền thừa kế theo thủ tục khai nhận di sản thừa kế thì bà T1 đã lừa dối mẹ tôi lập thủ tục tặng cho nhà đất nêu trên để vay mượn tiền của ông Nguyễn Anh Q, bà Nguyễn Thùy L.

Năm 2013, để vay mượn tiền của ông Q, bà L nên bà T1 mới ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất nêu trên nhằm che đậy việc mượn tiền.

Tháng 11/2014, vì bà T không trả được nợ cho vợ chồng ông Q, bà L nên ông Q, bà L đã khởi kiện tại Tòa án quận T.

Theo quy định của pháp luật thì ½ giá trị nhà đất tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng là di sản thừa kế cho những người ở hàng thừa kế thứ nhất của cha tôi gồm: mẹ tôi và 05 anh chị em chúng tôi, mỗi người sẽ hưởng một phần bằng nhau.

Việc bà T1 thực hiện việc không kê khai chị tôi là Ngô Thị T trú tại Hoa Kỳ là người đồng thừa kế; Để anh trai tôi Ngô Quý H lãn tay là không đúng (Vì anh trai tôi Ngô Quý H bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị câm bẩm sinh) là trái quy định pháp luật.

Nay chị tôi bà Ngô Thị T yêu cầu Tòa án: Hủy Tờ khai di sản thừa kế ngày 23/01/2005; Tờ thỏa thuận lập ngày 31/01/2005; Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 03/3/2005; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 05/6/2012 tại Văn phòng Công chứng T, số công chứng 2343; Hợp đồng mua bán quyền sở hữu nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở ngày 11/7/2013 tại Văn phòng Công chứng B, số công chứng 4047 thì tôi hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị tôi bà Ngô Thị T.

*** Theo trong biên bản hòa giải ngày 04/11/2016, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thùy L và cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Anh Q trình bày:**

Bà Ngô Thị T1 có vay của vợ chồng tôi hai khoản vay, tổng cộng số tiền 600.000.000đ. Theo đó, tôi đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng để yêu cầu bà Ngô Thị T1 trả cho vợ chồng tôi số tiền nêu trên. Theo kết quả giải quyết của Tòa án, bà Ngô Thị T1 phải trả cho vợ chồng tôi số tiền 733.000.000đ. Việc bà Ngô Thị T1 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng tôi là mục đích để đảm bảo khoản vay mà bà Ngô Thị T1 đã mượn của vợ chồng tôi. Do vậy, nay nguyên đơn và những người liên quan khác yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng mua bán quyền sở hữu nhà ở và chuyển nhượng quyền sử

dụng đất ở ngày 11/7/2013 tại Văn phòng công chứng B, số công chứng 4047 là vô hiệu thì tôi không đồng ý. Hiện nay tôi đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở do bà Ngô Thị T1 đứng tên.

*** Theo Văn bản số 103/CV-CC2 ngày 14/9/2016 của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Phòng Công chứng số X thành phố Đà Nẵng có nội dung:**

Công chứng viên của Phòng Công chứng X thành phố Đà Nẵng đã thực hiện chứng nhận Văn bản khai nhận di sản thừa kế có số công chứng 1392 ngày 03/3/2005 đối với di sản thừa kế là nhà đất tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng do ông Ngô Xuân L chết để lại và bà Ma Thị M - vợ ông L là người nhận di sản này. Việc chứng nhận Văn bản khai nhận di sản thừa kế có số công chứng 1392 ngày 03/3/2005 đã được Công chứng viên Phòng Công chứng X thành phố Đà Nẵng thực hiện theo các trình tự thủ tục theo quy định pháp luật, theo yêu cầu và theo các giấy tờ do người yêu cầu công chứng xuất trình.

Tại Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 03/3/2005 có nội dung thỏa thuận và cam kết của người thừa kế là: *“Ngoài ra, chồng tôi không có vợ, con nuôi, cha mẹ nuôi nào khác. Cha mẹ chồng tôi đã chết từ lâu. Trước lúc chết chồng tôi không để lại di chúc (theo Tờ khai di sản thừa kế do Ủy ban nhân dân phường T xác nhận ngày 31/01/2005); các đồng thừa kế có lập văn bản thỏa thuận đồng ý để cho bà Ma Thị M được quyền dùng ngôi nhà trên thuộc quyền thừa kế của chúng tôi để thừa kế có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T và Ủy ban nhân dân phường T ngày 31/01/2005 và ngày 03/02/2005”.*

Lời chứng của Công chứng viên tại Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 03/3/2005 thể hiện nội dung người lập văn bản cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai nhận di sản.

Trước khi thực hiện công chứng Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 03/3/2005, Công chứng viên đã thực hiện việc niêm yết công khai về di sản thừa kế và những người thừa kế đối với nhà đất tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng của ông Ngô Xuân L, từ ngày 03/02/2005 tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường T và đến thời điểm công chứng Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 03/3/2005, không nhận được bất kỳ khiếu nại, tố cáo về người thừa kế và di sản thừa kế. Việc các đồng thừa kế liên quan đến Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 03/3/2005 nếu có hành vi cố ý bỏ sót, giấu giếm và không khai về những người thừa kế khác của ông Ngô Xuân L thì họ phải chịu trách nhiệm với người có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cố ý giấu giếm, bỏ sót không khai này.

Phòng Công chứng X thành phố Đà Nẵng đề nghị không tham gia và vắng mặt trong quá trình Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thực hiện tố tụng như đối chất, hòa giải và xét xử vụ án dân sự nêu trên.

*** Theo Văn bản số 63 và 64/CV-VPCCBN ngày 25/8/2016 của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Văn phòng Công chứng B có nội dung:**

Văn phòng công chứng B có công chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất số công chứng 4047 ngày 11/7/2013 giữa bà Ngô Thị T1 và ông Nguyễn Anh Q, bà Nguyễn Thùy L. Văn phòng Công chứng B nhận thấy việc ký hợp đồng nêu trên đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định,

các bên hoàn toàn tự nguyện ký, điền chỉ vào hợp đồng trước mặt Công chứng viên, không bị lừa dối, ép buộc. Đồng thời, Văn phòng Công chứng B không phải là người có liên quan đến vụ án tranh chấp trên và đề nghị được vắng mặt trong tất cả các phiên họp, phiên hòa giải, cũng như các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm (nếu có).

*** Theo Văn bản X4B/VPCCTT ngày 06 tháng 9 năm 2016 của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Văn phòng Công chứng Trọng T có nội dung:**

Ngày 05 tháng 6 năm 2012, Văn phòng công chứng Trọng T có nhận được yêu cầu công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 133, tờ bản đồ số 8, tại địa chỉ K20/27 H, quận T, thành phố Đà Nẵng giữa bên tặng cho là bà Ma Thị M (Ma Thị T), bên được tặng cho là bà Ngô Thị T1.

Hồ sơ các bên cung cấp gồm: Phiếu yêu cầu công chứng do bà Ma Thị M ghi rõ nội dung yêu cầu công chứng: cho con gái Ngô Thị T1 toàn bộ nhà đất K20/27 H, quận T, thành phố Đà Nẵng; Chứng minh nhân dân, hộ khẩu của bà Ma Thị M và bà Ngô Thị T1; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng ở đứng tên bà Ma Thị M; Đơn yêu cầu xóa đăng ký thế chấp.

Sau khi thụ lý hồ sơ, Văn phòng công chứng T thấy tài sản tặng cho không bị tranh chấp, không nằm trong diện bị kê biên phong tỏa, các bên đương sự đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, và đây là trường hợp được tặng cho theo quy định của pháp luật nên Văn phòng công chứng T đã thực hiện việc công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nói trên vào ngày 05 tháng 6 năm 2012, số công chứng 2343, quyển số TP/CC-SCC/HĐGD

Việc thực hiện công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên là đúng theo các quy định của pháp luật.

Văn phòng công chứng T xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến khi vụ án hoàn toàn kết thúc.

*** Theo Công văn số 545/CNVPĐKTK ngày 31/8/2016 của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận T, thành phố Đà Nẵng có nội dung:**

Nhà đất tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 20/8/2003 cho bà Ma Thị M và ông Ngô Xuân L (chết) với diện tích đất ở là 143.3m².

Ngày 03/3/2005, bà Ma Thị M đã lập Văn bản khai nhận thừa kế về nhà đất nêu trên tại Phòng Công chứng X thành phố Đà Nẵng và đã được Ủy ban nhân dân quận T chính lý biến động sang tên ngày 15/3/2005 theo đúng trình tự và thủ tục quy định. (Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận T lúc này chưa thành lập).

Ngày 05/6/2012, bà Ma Thị M đã tặng cho toàn bộ nhà đất nêu trên cho bà Ngô Thị T1 theo Hợp đồng tặng cho số công chứng 2343 tại Văn phòng Công chứng T thành phố Đà Nẵng và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận T (cũ) chính lý biến động ngày 12/6/2012 theo đúng trình tự quy định.

Riêng Hợp đồng mua bán quyền sở hữu nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở ngày 11/7/2013 tại Văn phòng Công chứng B, số công chứng 4047 chưa đăng ký và nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận T.

Việc tranh chấp hiện nay tại nhà đất nêu trên là do bà Ma Thị M với các thành viên được nhận thừa kế phần tài sản của ông Ngô Xuân L (chết) đã kê khai không đúng sự thật.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận T xin được phép vắng mặt và xin chấp hành đúng theo quy định pháp luật kết quả do Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết.

*** Theo công văn số 176/UBND-TP ngày 10 tháng 10 năm 2016 và trong biên bản hòa giải, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng trình bày:**

Trước đây, theo thủ tục hành chính cấp phường khi ký Tờ khai di sản thừa kế, văn bản thỏa thuận, địa phương chứng thực chữ ký người có hộ khẩu tại địa phương và hồ sơ được trả lại trong ngày làm việc.

Trong Tờ khai di sản thừa kế các thừa kế (hàng thừa kế thứ nhất) là bà Ma Thị M, ông Ngô Xuân T, ông Ngô Quý H, bà Ngô Thị Quý H, bà Ngô Thị T1 đã cam đoan ngoài những người có tên trên, chúng tôi không để sót ai trong hàng thừa kế thứ nhất, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai trên.

Trong trường hợp này, bà Ngô Thị T1 (con ông Ngô Xuân L và bà Ma Thị M) và các đồng thừa kế cố tình gian dối đối với cơ quan nhà nước bỏ sót hàng thừa kế thứ nhất là bà Ngô Thị T.

Theo Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực và Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14/3/2001 hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2000/NĐ-CP thì việc niêm yết do cơ quan công chứng, chứng thực thực hiện tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường, xã để biết không bỏ sót hàng thừa kế.

*** Theo văn bản số 1325/UBND-VP ngày 21/9/2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng trình bày:**

Ủy ban nhân dân quận T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố tiến hành xét xử vắng mặt, căn cứ nội dung bản án được tuyên, Ủy ban nhân dân quận sẽ triển khai thực hiện các vấn đề liên quan (nếu có).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng vắng mặt, không có lời khai trong hồ sơ vụ án.**

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của BLTTDS; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự;

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T, tuyên hủy: Tờ khai di sản thừa kế ngày 23/01/2005; Tờ

thỏa thuận lập ngày 31/01/2005; Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 03/3/2005; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 05/6/2012 tại Văn phòng Công chứng T, số công chứng 2343; Hợp đồng mua bán quyền sở hữu nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở ngày 11/7/2013 tại Văn phòng Công chứng B, số công chứng 4047.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án; Sau khi thảo luận và nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Văn phòng Công chứng T, Văn phòng công chứng B, Phòng Công chứng X thành phố Đà Nẵng, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại quận T, thành phố Đà Nẵng, Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ông Ngô Quý H, ông Nguyễn Anh Q, bà Nguyễn Thuỳ L, Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nhiều lần không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nói trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T đối với việc đề nghị hủy tờ khai di sản thừa kế lập ngày 23/01/2005, có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường T ngày 03/2/2005 và chứng thực của Ủy ban nhân dân phường T ngày 31/01/2005, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Q, bị đơn bà Ngô Thị T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Ma Thị M, ông Ngô Xuân T, bà Ngô Thị Quý H đều thống nhất xác định: Ông Ngô Xuân L (sinh năm 1933, chết năm 2002 không để lại di chúc) và bà Ma Thị M (Ma Thị M), sinh năm 1941 có tạo lập được tài sản chung là nhà đất tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402072088, ngày 20/8/2003. Giữa ông L và bà M có với nhau 05 người con chung gồm: ông Ngô Xuân T, sinh năm 1966; bà Ngô Thị T, sinh năm 1968; bà Ngô Thị T1, sinh năm 1970; ông Ngô Quý H, sinh năm 1972; bà Ngô Thị Quý H, sinh năm 1974. Ngoài những người con trên thì ông L và bà M không có con chung, con riêng hay con nuôi nào khác. Như vậy, Sau khi ông Ngô Xuân L chết, thì nhà và đất tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng có tổng diện tích sử dụng 112,10m², diện tích xây dựng 96,30m², kết cấu tường xây, mái tôn, sàn gỗ, số tầng một + gác lửng; tại thửa đất số 133, tờ bản đồ số 8, diện tích 143,30m² trở thành tài sản chung của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ngô Xuân L và bà Ma Thị M (Ma Thị T), bao gồm bà Ma Thị M, ông Ngô Xuân T, bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị T1, ông Ngô Xuân H, bà Ngô Thị Quý H.

Việc bà Ma Thị M, ông Ngô Xuân T, bà Ngô Thị T1, ông Ngô Quý H, bà Ngô Thị Quý H cùng đứng ra lập tờ khai di sản thừa kế ngày 23/01/2005 có chứng

thực của Ủy ban nhân dân phường T ngày 03/2/2005 và chứng thực của Ủy ban nhân dân phường T ngày 31/01/2005 nhưng thiếu bà Ngô Thị T là không đúng pháp luật và gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ngô Thị T (hiện đang định cư tại Hoa Kỳ) nên yêu cầu khởi kiện của bà T đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy các văn bản nói trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T đối với đề nghị hủy Tờ thỏa thuận lập ngày 31/01/2005 có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường T ngày 03/2/2005 và chứng thực của Ủy ban nhân dân phường T ngày 31/01/2005; Hủy Văn bản khai nhận di sản thừa kế lập ngày 03/3/2005 có chứng thực tại phòng công chứng X thành phố Đà Nẵng; Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà Ma Thị T và bà Ngô Thị T1 ngày 05/6/2012 tại Văn phòng Công chứng T, số công chứng 2343; Hủy Hợp đồng mua bán quyền sở hữu nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở giữa bà Ngô Thị T1 với bà Nguyễn Thùy L và ông Nguyễn Anh Q ngày 11/7/2013 tại Văn phòng Công chứng B, số công chứng 4047, Hội đồng xét xử thấy rằng: Như đã nhận định trên thì việc bà Ma Thị M, ông Ngô Xuân T, bà Ngô Thị T1, ông Ngô Quý H, bà Ngô Thị Quý H cùng đứng ra lập tờ khai di sản thừa kế lập ngày 23/01/2005 đối với nhà và đất tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng nhưng thiếu bà Ngô Thị T là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ngô Thị T nên Tờ thỏa thuận di sản thừa kế của bà Ma Thị M, ông Ngô Xuân T, bà Ngô Thị T1, ông Ngô Quý H, bà Ngô Thị Quý H lập ngày 31/01/2005, theo đó bà Ma Thị M được thừa kế toàn bộ di sản là nhà và đất của ông Ngô Xuân L để lại là không đúng pháp luật; kéo theo đó Văn bản khai nhận di sản thừa kế lập ngày 03/3/2005; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà Ma Thị M và bà Ngô Thị T1 ngày 05/6/2012; Hợp đồng mua bán quyền sở hữu nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở giữa bà Ngô Thị T1 với bà Nguyễn Thùy L và ông Nguyễn Anh Q ngày 11/7/2013 cũng không đúng pháp luật nên các giao dịch nói trên là vô hiệu. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T đề nghị hủy các văn bản trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu hủy Hợp đồng mua bán quyền sở hữu nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở giữa bà Ngô Thị T1 với bà Nguyễn Thùy L và ông Nguyễn Anh Q ngày 11/7/2013 và được Hội đồng xét xử chấp nhận nên việc giải quyết hậu quả của việc hủy giao dịch dân sự nói trên phải được Hội đồng xét xử xem xét, theo đó các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, bên có lỗi gây ra thiệt hại phải có nghĩa vụ bồi thường theo quy định tại điều 137 BLDS 2005. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2015/DS-ST, ngày 28/10/2015 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng đã có hiệu lực pháp luật thì bà Ngô Thị T1, bà Nguyễn Thùy L và ông Nguyễn Anh Q đều khai nhận thực tế việc các bên ký hợp đồng mua bán quyền sở hữu nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở tại K20/27 H, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng giữa bà Ngô Thị T1 với bà Nguyễn Thùy L và ông Nguyễn Anh Q ngày 11/7/2013 là giả tạo nhằm che đậy cho hợp đồng vay tiền giữa bà Ngô Thị T1 với ông Nguyễn Anh Q và bà Nguyễn Thùy L. Cũng tại bản án nói trên đã quyết định buộc bà Ngô Thị T1 phải trả cho bà Nguyễn Thùy L và ông Nguyễn Anh Q số tiền

mà bà Ngô Thị T1 đã vay và được che đậy bởi hợp đồng mua bán quyền sở hữu nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở giữa bà Ngô Thị T1 với bà Nguyễn Thùy L và ông Nguyễn Anh Q ngày 11/7/2013 nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về hậu quả của việc hủy Hợp đồng nói trên. Việc ông Nguyễn Anh Q và bà Nguyễn Thùy L không đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 11/7/2013 giữa bà Ngô Thị T1 và ông Nguyễn Anh Q, bà Nguyễn Thùy L là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị T, theo đó hủy chính lý biến động toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên bà Ma Thị M lập tại Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng ngày 15/3/2005; Hủy chính lý biến động toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên bà Ngô Thị T1 tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận T, thành phố Đà Nẵng ngày 12/6/2012.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Án phí DSST và chi phí tố tụng khác:

- Bà Ngô Thị T1 phải chịu án phí DSST là 200.000đ.
- Bà Ngô Thị T không phải chịu án phí DSST, hoàn cho bà Ngô Thị T 200.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000892 ngày 22/8/2016 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.
- Chi phí thẩm định giá tài sản là 5.000.000đ, bà Ngô Thị T tự nguyện chịu, đã nộp và đã chi xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Điều 34, Điều 227, Điều 147, Điều 165 BLTTDS 2015;
- Điều 121, Điều 122, Điều 129, Điều 137, Điều Điều 674, Điều 675, Điều 676 BLDS 2005;

- Pháp lệnh về án phí lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T về việc *“Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và văn bản liên quan đến việc khai nhận di sản thừa kế”*.

Tuyên xử:

- Hủy tờ khai di sản thừa kế lập ngày 23/01/2005, có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng ngày 03/2/2005 và chứng thực của Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng ngày 31/01/2005.

- Hủy Tờ thỏa thuận lập ngày 31/01/2005 có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng ngày 03/2/2005 và chứng thực của Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng ngày 31/01/2005;

- Hủy Văn bản khai nhận di sản thừa kế lập ngày 03/3/2005 có chứng thực tại phòng công chứng X thành phố Đà Nẵng;

- Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà Ma Thị M và bà Ngô Thị T1 ngày 05/6/2012 tại Văn phòng Công chứng T, số công chứng 2343;

- Hủy Hợp đồng mua bán quyền sở hữu nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở giữa bà Ngô Thị T1 với bà Nguyễn Thùy L và ông Nguyễn Anh Q ngày 11/7/2013 tại Văn phòng Công chứng B, số công chứng 4047.

- Hủy chính lý biên động toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên bà Ma Thị M lập tại Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng ngày 15/3/2005;

- Hủy chính lý biên động toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên bà Ngô Thị T1 tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận T thành phố Đà Nẵng ngày 12/6/2012.

2. Về án phí DSST và chi phí tố tụng khác:

2.1. Án phí DSST

- Bà Ngô Thị T1 phải chịu án phí DSST là 200.000đ

- Bà Ngô Thị T không phải chịu án phí DSST, hoàn trả cho bà Ngô Thị T 200.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000892 ngày 22/8/2016 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

2.2. Chi phí thẩm định giá tài sản là 5.000.000đ, bà Ngô Thị T tự nguyện chịu, đã nộp và đã chi xong.

3. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tấn Anh